TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
Về việc Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1101/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1983; trú tại: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1990; trú tại: 12/2A khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2023, bản tự khai ngày 09/11/2023 quá trình tố tụng N đơn ông Nguyễn Chí H trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau, ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 106/2012, quyển số I/2012, ngày 26/10/2012.

Sau khi kết hôn ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ N sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. N nhân vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không ai chịu lắng nghe ý kiến của nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2019 cho đến nay. Từ những mâu thuẫn đó vợ chồng đã ly thân

nhau từ năm 2020 cho đến nay và không còn ai quan tâm chăm sóc cuộc sống của nhau. Vì vậy, ông Nguyễn Chí H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ N không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ N đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bà Nguyễn Thị Mỹ N đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. N đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Chí H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N hiện đang sinh sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ: 12/2A khu phố Hòa Long, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do N đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 106/2012, quyển số I/2012, ngày 26/10/2012 là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, N đơn ông Nguyễn Chí H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để bà Nguyễn Thị Mỹ N tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ N vẫn từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: "Bà Nguyễn Thị Mỹ N là đối tượng nghiện ma túy thuộc dạng theo dõi tại địa phương. Bà N và ông H hiện không còn sống chung khoảng 3 năm". Quá trình tố tụng, N đơn và bị đơn không có bất kỳ ý kiến đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ N.

[2.3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ N không có con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí: N đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Nguyễn Chí H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Chí H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ N.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Chí H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001727 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

N đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu